

Chi tiết mã HS 8537.10.13

Mã HS	8537.10.13
Mô tả hàng hóa	Bảng, panel, giá đỡ, bàn, tủ và các loại hộp và đế khác, được lắp với hai hoặc nhiều thiết bị thuộc nhóm 85.35 hoặc 85.36, dùng để điều khiển hoặc phân phối điện, kể cả các loại trên có lắp các dụng cụ hoặc thiết bị thuộc Chương 90, và các thiết bị điều khiển số, trừ các thiết bị chuyển mạch thuộc nhóm 85.17 / - Dùng cho điện áp không quá 1.000 V: / - - Bảng chuyển mạch và bảng điều khiển: / - - Bảng điều khiển khác của loại thích hợp dùng cho hàng hóa của nhóm 84.15, 84.18, 84.50, 85.08, 85.09 hoặc 85.16 (SEN)
Đơn vị	chiếc
Thời điểm tạo	31/10/2026 09:14:29
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUẾ XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://mail.vietnamtariff.com/hs-code/85371013/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	5	5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K15866
Thuế NK ưu đãi (MFN)	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N15866
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q15866
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) - 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
-----	-------------	-----------	----------------	----	------------------	---------	------------

AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ACFTA	0 (-BN, KH, TH)	0% (trừ BN, KH, TH)	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0(-KH)	0% (trừ KH)	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E15203
ATIGA	2022	2022	0	AT!E15135
ATIGA	2023	2023	0	AT!F15135
ATIGA	2024	2024	0	AT!G15135
ATIGA	2025	2025	0	AT!H15135
ATIGA	2026	2026	0	AT!I15135
ATIGA	2027	2027	0	AT!J15135
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E15191
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F15191
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G15191
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H15191

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I15191
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J15191
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E15192
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F15192
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G15192
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H15192
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I15192
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J15192
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F15193
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H15141
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F15149
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G15149
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H15149
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I15149
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J15149
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K15149
VKFTA	2022	2022	0	VK!E15189
VKFTA	2023	2023	0	VK!F15189
VKFTA	2024	2024	0	VK!G15189
VKFTA	2025	2025	0	VK!H15189
VKFTA	2026	2026	0	VK!I15189
VKFTA	2027	2027	0	VK!J15189
VCFTA	2022	2022	3	VC!D15246
VCFTA	2023	2023	3	VC!E15246
VCFTA	2024	2024	0	VC!F15246
VCFTA	2025	2025	0	VC!G15246

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2026	2026	0	VC!H15246
VCFTA	2027	2027	0	VC!I15246
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D15225
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E15225
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F15225
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G15225
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H15225
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I15225
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D15223
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E15223
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F15223
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G15223
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H15223
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I15223
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D15229
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E15229
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F15229
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G15229
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H15229
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I15229
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D15228
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E15228
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F15228
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G15228
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H15228
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I15228

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D15219
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E15219
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F15219
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G15219
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H15219
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I15219
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J15219
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D15216
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E15216
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F15216
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G15216
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H15216
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I15216
RCEP B	2022	2022	0	B!D15216
RCEP B	2023	2023	0	B!E15216
RCEP B	2024	2024	0	B!F15216
RCEP B	2025	2025	0	B!G15216
RCEP B	2026	2026	0	B!H15216
RCEP B	2027	2027	0	B!I15216
RCEP C	2022	2022	0	C!D15216
RCEP C	2023	2023	0	C!E15216
RCEP C	2024	2024	0	C!F15216
RCEP C	2025	2025	0	C!G15216
RCEP C	2026	2026	0	C!H15216
RCEP C	2027	2027	0	C!I15216
RCEP D	2022	2022	0	D!D15215

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP D	2023	2023	0	D!E15215
RCEP D	2024	2024	0	D!F15215
RCEP D	2025	2025	0	D!G15215
RCEP D	2026	2026	0	D!H15215
RCEP D	2027	2027	0	D!I15215
RCEP E	2022	2022	0	E!D15219
RCEP E	2023	2023	0	E!E15219
RCEP E	2024	2024	0	E!F15219
RCEP E	2025	2025	0	E!G15219
RCEP E	2026	2026	0	E!H15219
RCEP E	2027	2027	0	E!I15219
RCEP F	2022	2022	0	F!D15216
RCEP F	2023	2023	0	F!E15216
RCEP F	2024	2024	0	F!F15216
RCEP F	2025	2025	0	F!G15216
RCEP F	2026	2026	0	F!H15216
RCEP F	2027	2027	0	F!I15216
VIFTA	2024	2024	0	VI!F14182
VIFTA	2025	2025	0	VI!G14182
VIFTA	2026	2026	0	VI!H14182
VIFTA	2027	2027	0	VI!I14182

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh
-----------	-----	------------	-------	-------------------	----------------	-------------	---------------------

HS-003	YELLOW	Classification Review Required – có các dòng thuế tương tự	Phân nhóm 8537.10 có 10 dòng thuế; dòng 8537.10.13 được phân biệt với các dòng khác theo mô tả: Bảng điều khiển khác của loại thích hợp dùng cho hàng hóa của nhóm 84.15, 84.18, 84.50, 85.08, 85.09 hoặc 85.16 (SEN).	8537.10.11 Bảng điều khiển của loại thích hợp sử dụng cho hệ thống điều khiển phân tán; 8537.10.12 Bảng điều khiển có trang bị bộ xử lý lập trình (SEN); 8537.10.19 Loại khác; 8537.10.20 Bảng phân phối (gồm cả panel đỡ và tấm đỡ phẳng) chỉ dùng hoặc chủ yếu dùng với các hàng hóa thuộc nhóm 84.71, 85.17 hoặc 85.25; 8537.10.30 Bộ điều khiển logic có khả năng lập trình cho máy tự động để dịch chuyển, xử lý và kẹp giữ khuôn cho thiết bị bán dẫn; 8537.10.40 Bộ điều khiển động cơ có điện áp đầu ra từ 24V đến 120VDC và có cường độ dòng điện từ 300A đến 500A	31/2022/TT-BTC	Xác minh các đặc điểm phân biệt; cần nhắc đề nghị xác định trước mã số nếu chưa chắc chắn.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 8537.10.13. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 0% của mã 8537.10.13 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N15866), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.